

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông
nội vùng thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều theo
Luật Xây dựng năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 10/2021/NĐ-CP ngày
09/02/2021; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung
về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi,
bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây
dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND
tỉnh phê duyệt dự án Đường giao thông nội vùng thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4458/TTr-SXD ngày
13/6/2025 về việc điều chỉnh dự án Đường giao thông nội vùng thị trấn Sơn Lư,
huyện Quan Sơn (kèm theo hồ sơ và Báo cáo kết quả thẩm định số 3996/SXD-
HĐXD ngày 06/6/2025).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông nội vùng thị trấn
Sơn Lư, huyện Quan Sơn, với những nội dung sau:

1. Khái quát về dự án

Dự án Đường giao thông nội vùng thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn được
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 5555/QĐ-UBND
ngày 31/12/2021; quy mô phần đường thiết kế theo TCVN 4054-2005, đoạn
Km0+00 - Km1+00 đường cấp III miền núi, vận tốc thiết kế $V_{tk}=60$ km/h; đoạn
Km1+00 - Km3+116,83 đường cấp V miền núi, vận tốc thiết kế $V_{tk}=30$ km/h.
Công trình thoát nước bằng bê tông và BTCT, tải trọng H30-XB80; tần suất thủy
văn $P=4\%$. Phần cầu bằng BTCT và BTCT dự ứng lực theo TCVN 11823 - 2017;
tải trọng HL93 và người đi bộ 3×10^{-3} Mpa; tần suất thiết kế $P=1\%$; chiều rộng

toàn cầu $B_c = (0,5 + 7 + 0,5)m = 8,0m$. Tổng mức đầu tư dự án là 80.000.000.000 đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh; trong đó:

+ Chi phí bồi thường GPMB:	3.000.000.000	đồng.
+ Chi phí xây dựng:	61.570.678.000	đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	998.456.000	đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	4.427.662.000	đồng.
+ Chi phí khác:	1.567.709.000	đồng.
+ Chi phí dự phòng:	8.435.495.000	đồng.

2. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình triển khai dự án do một số nguyên nhân khách quan (đơn giá, chính sách bồi thường về đất và tài sản trên đất hiện nay có thay đổi so với thời điểm khái toán trong TMĐT của dự án) và một phần chủ quan (khối lượng kiểm kê, bồi thường tài sản kiến trúc trên đất, công trình ẩn dấu theo thực tế lớn hơn so với ước tính khối lượng khái toán trong dự án) đặc biệt là 02 vị trí nút giao với QL.217 và QL.16 đi qua khu dân cư làm tăng chi phí bồi thường GPMB nhưng chưa vượt TMĐT dự án. Vì vậy, để triển khai thực hiện hoàn thành dự án đảm bảo yêu cầu về quản lý, bố trí vốn, việc điều chỉnh dự án (*điều chỉnh giá trị của các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư*) là phù hợp và cần thiết.

3. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 80.000.000.000 (Tám mươi tỷ đồng); trong đó:

+ Chi phí bồi thường GPMB:	8.399.809.000	đồng;
+ Chi phí xây dựng:	64.752.374.000	đồng;
+ Chi phí quản lý dự án:	1.354.059.000	đồng;
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.741.104.000	đồng;
+ Chi phí khác:	1.455.950.000	đồng;
+ Chi phí dự phòng:	296.704.000	đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung số liệu trình phê duyệt.

- Trên cơ sở cơ cấu giá trị các khoản mục chi phí phê duyệt tại Điều 1 nêu trên, giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn tổ chức thực hiện

theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (T).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a large, stylized initial 'M' followed by a series of loops and a horizontal stroke at the end.

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ TRONG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI VÙNG THỊ TRẤN SƠN LŨ, HUYỆN QUAN SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TMĐT ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 5555/QĐ-UBND NGÀY 31/12/2021	CÁCH XÁC ĐỊNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH: TĂNG (+), GIẢM (-)
I	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	3.000.000.000		8.399.809.000	5.399.809.000
1	Theo quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 28/6/2022		Các Quyết định của UBND huyện Quan Sơn: số 1033/QĐ-UBND ngày 28/6/2022; số 2410/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; số 2125/QĐ-UBND ngày 21/12/2023; số 2142/QĐ-UBND ngày 26/11/2024; số 558/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND huyện Quan Sơn; Văn bản số 01/CV-HĐGPMB ngày 22/4/2025 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện	1.377.894.000	1.377.894.000
2	Theo quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 30/12/2022			1.796.836.000	1.796.836.000
3	Theo quyết định số 2125/QĐ-UBND ngày 21/12/2023			1.038.240.000	1.038.240.000
4	Theo quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 26/11/2024			2.393.411.000	2.393.411.000
5	Theo quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 31/3/2025			973.428.000	973.428.000
6	Văn bản số 01/CV-HĐGPMB ngày 22/4/2025			820.000.000	820.000.000
II	Chi phí xây dựng	61.570.678.000	Quyết định số 66/QĐ-BQLDA ngày 02/4/2025 của Ban QLDA ĐTXD	64.752.374.000	3.181.696.000
III	Chi phí quản lý dự án	998.456.000	Quyết định số 180/QĐ-QLDA ngày 23/8/2022 của Ban QLDA ĐTXD	1.354.059.000	355.603.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	4.427.662.000		3.741.104.000	-686.558.000
1	Khảo sát, bước lập BCNCKT	497.792.000	Quyết định số 53/QĐ-QLDA ngày 02/11/2021 của Ban QLDA ĐTXD	497.792.000	-
2	Chi phí lập BC NCKT	311.493.000	Quyết định số 56/QĐ-QLDA ngày 08/11/2021 của Ban QLDA ĐTXD	311.493.000	-
3	Khảo sát TKBVTC	750.000.000	Quyết định số 73/QĐ-QLDA ngày	1.214.816.000	-489.090.000

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TMĐT ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 5555/QĐ-UBND NGÀY 31/12/2021	CÁCH XÁC ĐỊNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH: TĂNG (+), GIẢM (-)
4	Lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	150.000.000	12/4/2022 của Ban QLDA ĐTXD		
5	Lập TKBVTC và dự toán	803.906.000			
6	Lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	22.500.000	Quyết định số 37/QĐ-QLDA ngày 22/02/2022 của Ban QLDA ĐTXD	13.366.000	-9.134.000
7	Lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	88.619.000	Quyết định số 182/QĐ-QLDA ngày 25/8/2022 của Ban QLDA ĐTXD	88.600.000	-19.000
8	Lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn	23.330.000	Quyết định số 32/QĐ-QLDA ngày 17/02/2022 của Ban QLDA ĐTXD	23.330.000	-
9	Lập nhiệm vụ khảo sát bước BCNCKT	13.576.000	Quyết định số 50/QĐ-BQLDA ngày 27/10/2021 của Ban QLDA ĐTXD	13.576.000	-
10	Giám sát khảo sát bước BCNCKT	18.427.000	Quyết định số 54/QĐ-BQLDA ngày 02/11/2021 của Ban QLDA ĐTXD	18.427.000	-
11	Giám sát khảo sát bước TKBVTC	30.540.000	Quyết định số 37/QĐ-QLDA ngày 22/02/2022 của Ban QLDA ĐTXD	18.142.000	-12.398.000
12	Thẩm tra thiết kế BVTC	67.442.000	Quyết định số 82/QĐ-QLDA ngày 14/4/2022 của Ban QLDA ĐTXD (giảm trừ thuế VAT 8%)	128.520.000	-2.422.000
13	Thẩm tra dự toán	63.500.000			
14	Thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây lắp	61.749.000	Quyết định số 180/QĐ-QLDA ngày 23/8/2022 của Ban QLDA ĐTXD	67.638.000	5.889.000
15	Thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu tư vấn	3.924.000	Quyết định số 180/QĐ-QLDA ngày 23/8/2022 của Ban QLDA ĐTXD	3.831.000	-93.000
16	Giám sát thi công	1.403.382.000	Quyết định số 241/QĐ-QLDA ngày 23/11/2022 của Ban QLDA ĐTXD	1.323.827.000	-79.555.000
17	Giám sát thi công RPBM, vật nổ	10.762.000	Quyết định số 127/QĐ-QLDA ngày 11/8/2022 của Ban QLDA ĐTXD	11.046.000	284.000
18	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát RPBM, vật nổ	6.720.000	Quyết định số 40/QĐ-QLDA ngày 24/2/2022 của Ban QLDA ĐTXD	6.700.000	-20.000

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TMĐT ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 5555/QĐ-UBND NGÀY 31/12/2021	CÁCH XÁC ĐỊNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH: TĂNG (+), GIẢM (-)
19	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	100.000.000		-	-100.000.000
V	Chi phí khác	1.567.709.000		1.455.950.000	-111.759.000
1	Chi phí kiểm toán	318.595.000	Quyết định số 180/QĐ-QLDA ngày 23/8/2022 của Ban QLDA ĐTXD	324.999.000	6.404.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	185.440.000		94.708.000	-90.732.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	178.555.000		-	-178.555.000
4	Thẩm định Báo cáo NCKT	24.407.000		24.407.000	-
5	Thẩm định thiết kế BVTC	5.875.000		12.452.000	6.577.000
6	Thẩm định dự toán	5.569.000		11.840.000	6.271.000
7	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ (30tr x 11,2ha)	336.000.000	Quyết định số 126/QĐ-QLDA ngày 11/8/2022 của Ban QLDA ĐTXD	383.995.000	47.995.000
8	Tiền cấp quyền khai thác đất tận dụng tại công trường (KL đất đắp x 49000 x 0,9 x 3%)		Quyết định số 180/QĐ-QLDA ngày 23/8/2022 của Ban QLDA ĐTXD	85.662.000	85.662.000
9	Chi phí khác				
-	<i>Chi phí đảm bảo ATGT</i>	63.268.000	Quyết định số 180/QĐ-QLDA ngày 23/8/2022 của Ban QLDA ĐTXD	67.887.000	4.619.000
-	<i>Chi phí đường dây, TBA</i>	150.000.000		150.000.000	-
-	<i>Chi phí nền móng trạm trộn BTXM</i>	300.000.000		300.000.000	-
VI	Chi phí dự phòng	8.435.495.000		296.704.000	-8.138.791.000
	TỔNG CỘNG TMĐT:	80.000.000.000		80.000.000.000	-